

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Phiên dịch (22433502)

Ngày thi: 26/04/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 12...

Số bài thi: ...2...

Số tờ giấy thi: 2...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122240171	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	07/11/2003	CCQ2224F	1		7,5	6,6	7,0	
2	2121130047	Phan Nữ Quỳnh Anh	08/06/1990	CCQ2124E	X		0,0			
3	2121110334	Trần Thanh Bình	05/08/2003	CCQ2124F	1		8,1	7,8	7,9	
4	2122240098	Đặng Thị Cẩm Đào	02/12/2004	CCQ2224D	1		8,0	5,3	6,4	
5	2121240061	Nguyễn Ngọc Diễm	09/11/2002	CCQ2124C	1		7,2	4,4	5,5	
6	2122240085	Nguyễn Thị Hồng Diễm	01/09/2004	CCQ2224C	1		7,0	2,5	4,3	
7	2122240108	Nguyễn Thế Dũng	16/11/2001	CCQ2224D	1		7,4	4,2	5,5	
8	2122240007	Hồ Thị Giang	25/12/1999	CCQ2224A	1		7,4	6,3	6,7	
9	2122240175	Lã Thị Thu Hà	19/01/2004	CCQ2224F	1		7,0	4,2	5,3	
10	2122240150	Nguyễn Hoàng Gia Hân	13/11/2004	CCQ2224E			0,0		0	
11	2122240109	Lê Thùy Mỹ Hậu	15/09/2004	CCQ2224D	1		7,0	4,8	5,7	
12	2120240037	Hồ Thị Thu Hiền	26/01/2002	CCQ2024B	1		7,2	5,4	6,1	
13	2120240154	Nguyễn Thị Thanh Hòa	13/06/2002	CCQ2024F	1		9,5	3,0	5,6	
14	2120240192	Lâm Thị Hương	30/03/2002	CCQ2024G			0,0		0	
15	2121240067	Lâm Thị Hải Hương	28/04/2003	CCQ2124C			0,0		0	
16	2122240106	Bùi Thị Trúc Linh	11/09/2004	CCQ2224D	1		8,1	7,0	7,4	
17	2122240110	Hoàng Thị Mai	10/11/2001	CCQ2224D	1		8,2	8,0	8,1	
18	2122240116	Phạm Quang Minh	29/10/2003	CCQ2224D	1		7,4	4,0	5,4	
19	2122240200	Huỳnh Thị Trúc My	25/10/2004	CCQ2224E	1		7,3	4,9	5,9	
20	2122240070	Nguyễn Vũ Hà My	13/05/2004	CCQ2224C	1		7,3	4,1	3,6	
21	2120240131	Lê Trần Quý Nam	21/08/2000	CCQ2024E			0,0		0	
22	2120240132	Thập Nữ Kim Ngân	14/02/2002	CCQ2024E	1		9,8	6,1	7,6	
23	2121240048	Trần Thị Cẩm Nhung	07/08/2003	CCQ2124B	1		8,4	4,3	5,9	
24	2122240101	Phạm Thị Hằng Ni	12/11/2004	CCQ2224D	1		8,3	7,0	7,5	
25	2120240016	Nguyễn Thị Thanh Phương	01/07/2002	CCQ2024A	1		7,6	3,0	4,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Phiên dịch (22433504)

Ngày thi: 26/04/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 10

Số bài thi: 10

Số tờ giấy thi: 10

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122240126	Võ Thị Lan Anh	23/06/2003	CCQ2224LA		Lan	9,2	8.5	8.8	
2	2122240154	Trần Huỳnh Phúc	08/10/2004	CCQ2224LA		Phúc	8,7	9.1	8.9	
3	2122240125	Trần Nguyễn Nhật	23/02/2004	CCQ2224LA		Ngay	9,2	7.1	7.9	
4	2122240122	Đoàn Trần Gia	07/10/1999	CCQ2224LA		Gia	9,3	7.8	8.4	
5	2122240127	Nguyễn Ngô Nhật	06/12/2004	CCQ2224LA		Lam	9,2	7.2	8.0	
6	2122240123	Lê Xuân Phương	10/01/2004	CCQ2224LA		Linh	7,1	3.6	5.0	
7	2122240130	Huỳnh Nguyễn Trà	10/08/2004	CCQ2224LA		Trà	8,6	7.8	8.1	
8	2122240153	Huỳnh Ngọc Phương	08/11/2004	CCQ2224LA		Phuong	9,5	8.9	9.1	
9	2122240083	Trương Hữu	08/10/2002	CCQ2224LA		Huu	8,9	8.1	8.4	
10	2122240124	Huỳnh Thị Bích	26/12/2003	CCQ2224LA		Bich	8,0	3.8	5.5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Phiên dịch (22433503)

Ngày thi: 26/04/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122240139	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	30/01/2004	CCQ2224E		Ánh	5,7	5.6	5.6	
2	2122240166	Trần Quang Bình	30/04/2003	CCQ2224E		B	4,6	5.3	5.0	
3	2121240165	Ngô Thị Mỹ Dung	19/01/2003	CCQ2124F			2,0			
4	2121110047	Dương Nguyễn Anh Dũng	22/09/2003	CCQ2124F		Dũng	6,6	9.0	8.0	
5	2122240141	Nguyễn Thị Thu Hà	23/02/2004	CCQ2224E		Hà	7,7	6.5	7.0	
6	2121240132	Đặng Thị Ngọc Hân	14/03/2003	CCQ2124E			3,1			
7	2122240182	Thân Ngọc Hân	08/01/2004	CCQ2224F		Hân	7,8	8.8	8.4	
8	2122240068	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	10/06/2003	CCQ2224C		Hiền	9,9	8.1	8.8	
9	2122240048	Trần Khánh Hưng	02/02/2004	CCQ2224B		Hưng	5,1	6.5	5.9	
10	2122240077	Nguyễn Ngọc Kiều Hương	05/05/2003	CCQ2224C		Hương	9,0	9.2	9.1	
11	2122240164	Phạm Gia Kỳ Hương	27/06/2004	CCQ2224E		Hương	5,5	3.1	4.1	HL
12	2122240202	Trần Thị Hường	08/03/2002	CCQ2224D		H	8,5	7.8	8.1	
13	2122240174	Hà Thanh Huyền	10/08/2004	CCQ2224F		H	7,5	9.6	8.8	
14	2122240072	Lê Hoàng Khương	28/05/2001	CCQ2224C		Kh	9,7	9.2	9.4	
15	2122240133	Lâm Trung Kiên	17/10/2004	CCQ2224E		Kiên	5,3	7.6	6.7	
16	2122240189	Ngô Thị Cẩm Ly	20/12/2003	CCQ2224F		Ly	6,6	7.7	7.5	
17	2122240140	Võ Thị Mỹ Ngọc	13/12/2004	CCQ2224E		N	7,2	5.5	6.2	
18	2122240137	Hoàng Thị Thùy Nhi	26/08/2004	CCQ2224E		N	3,2	0.4	1.5	HL
19	2121240137	Huỳnh Thùy Quỳnh Như	01/02/2003	CCQ2124E		Như	5,6	5.1	5.3	
20	2122240190	Lê Hoàng Như	20/12/2004	CCQ2224F		Như	6,3	9.5	8.2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Phiên dịch (22433503)

Ngày thi: 26/04/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B104

A: 14
H: 5

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

19/04/2024
Nguyễn Thị Mỹ

Ng. H. T. Văn

Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Thanh Loan

136

C. Loan

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122240192	Nguyễn Thị Mỹ	Nương	11/03/2004	CCQ2224F		8,6	8,7	8,7	
2	2122240194	Phạm Kim	Phương	19/09/2004	CCQ2224F		6,4	8,7	7,8	
3	2122240121	Trần Đặng Mai	Phương	11/10/2002	CCQ2224E		8,0	4,4	5,8	
4	2122240156	Đỗ Anh	Quốc	16/10/2002	CCQ2224B		2,0			
5	2122240086	Nông Thị Hồng	Quyên	24/10/2000	CCQ2224C		9,5	8,1	8,7	
6	2122240091	Đỗ Ngọc Như	Quỳnh	13/04/2004	CCQ2224C		5,1	4,5	4,7	HL
7	2122240069	Nguyễn Thị Tú	Quỳnh	04/10/2003	CCQ2224C		8,2	9,2	8,8	
8	2122240179	Trần Lệ	Quỳnh	10/12/2004	CCQ2224F		5,1	4,9	5,0	
9	2122240060	Vũ Thị Trúc	Quỳnh	27/10/2004	CCQ2224B		4,1	4,5	4,3	HL
10	2122240197	Lê Thị Thu	Sương	10/06/2004	CCQ2224E		9,0	5,8	7,1	
11	2122240177	Nguyễn Thị Lệ	Sương	26/01/2004	CCQ2224F		4,7	2,0	3,1	HL
12	2122240103	Phan Vũ	Thành	20/12/2004	CCQ2224D		5,3	4,1	4,6	HL
13	2122240138	Hồ Phương	Thảo	01/11/2002	CCQ2224E		10,0	8,4	9,0	
14	2122240203	Đỗ Thị	Thủy	10/11/2001	CCQ2224D		7,7	7,1	7,3	
15	2122240102	Nguyễn Thị	Thủy	02/01/2004	CCQ2224D		9,6	7,8	8,5	
16	2121240147	Nguyễn Thị Minh	Trâm	08/08/2001	CCQ2124E		6,3	4,9	5,5	
17	2122240195	Thái Kim Phương	Uyên	27/10/2004	CCQ2224F		8,9	9,5	9,3	
18	2122240187	Phạm Thị Thủy	Vân	28/10/2004	CCQ2224F		8,1	7,1	7,5	
19	2122240076	Bùi Thị Tuyền	Vì	22/10/2004	CCQ2224C		4,4	0,2	1,9	HL
20	2122240196	Hoàng Thị	Yên	17/10/2004	CCQ2224F		5,1	5,2	5,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

137

T. Hoàng

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Phiên dịch (22433502)

Ngày thi: 26/04/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B105

Số SV có mặt: 23...

Số bài thi:23...

Số tờ giấy thi: ...23...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122240066	Vũ Thu Phương	23/01/2003	CCQ2224C		Phuong	7,0	2,4	4,2	
2	2121240017	Bùi Thị Bích Quyền	04/12/2002	CCQ2124A		Bui	7,2	2,9	4,6	
3	2120240075	Kiều Nữ Diễm Quỳnh	08/07/2002	CCQ2024C		Quynh	9,1	4,2	6,2	
4	2122240162	Lưu Trúc Quỳnh	10/01/2004	CCQ2224C		Luu	7,8	5,6	6,5	
5	2122240191	Nguyễn Trần Ngọc Quỳnh	27/06/2004	CCQ2224F		Nguyen	8,7	7,9	8,2	
6	2122240148	Hoàng Đặng Thế Tân	01/04/2004	CCQ2224E		Tan	8,4	8,0	8,2	
7	2122240185	Cao Thị Thanh Thảo	16/07/2004	CCQ2224F		Thanhthao	7,2	3,4	4,9	
8	2122240009	Đỗ Thị Thảo	09/03/2000	CCQ2224A			0,0	Cấm thi		
9	2122240204	Huỳnh Thị Kiều Thịnh	12/04/2004	CCQ2224C		Thinh	7,1	0,5	3,1	
10	2121240040	Châu Thị Kim Thoa	10/09/2003	CCQ2124B		Thoa	8,2	5,1	6,3	
11	2120240053	Cao Thị Anh Thư	19/02/2002	CCQ2024B		Thu	7,4	5,2	6,1	
12	2122240173	Hồ Thị Xuân Thùy	02/10/2004	CCQ2224F		Thuy	8,9	8,6	8,7	
13	2120240200	Hà Gia Quế Trâm	13/12/2002	CCQ2024G			0,0			
14	2122240093	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	23/06/2004	CCQ2224D		Trinh	7,7	4,5	5,8	
15	2122240107	Ông Thị Cẩm Trúc	05/01/2004	CCQ2224D		Truc	7,3	0,8	3,4	
16	2122240088	Nguyễn Cẩm Tú	01/06/2004	CCQ2224C		Tu	7,5	4,7	5,8	
17	2122240073	Lê Thị Ngọc Tuyền	11/05/2003	CCQ2224C		Tuyen	7,3	4,3	5,5	
18	2122240161	Nguyễn Ngọc Tuyền	17/11/2004	CCQ2224C		Tuyen	7,5	4,2	5,5	
19	2122240003	Nguyễn Thị Kim Vân	15/08/1998	CCQ2224A		Van	7,3	3,6	5,1	
20	2121240029	Nguyễn Hà Vi	05/12/2003	CCQ2124A		Vi	7,5	4,0	5,4	
21	2120240254	Nguyễn Ngọc Ánh Vi	10/08/2002	CCQ2024H		Vi	7,4	4,2	5,5	
22	2120240057	Trần Thị Diệu Vi	30/11/2002	CCQ2024B		Vi	7,5	3,7	5,2	
23	2122240095	Trần Phạm Long Vũ	19/03/2004	CCQ2224D		Vu	7,8	4,4	5,8	
24	2121240025	Ngô Thị Hồng Xuyên	30/12/2003	CCQ2124A		Xuyen	8,4	6,2	7,1	
25	2122240065	H. Yến	25/11/2003	CCQ2224C		Yen	7,2	5,0	5,9	